TAND HUYỆN TÂN UYÊN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 33/2020/QĐST-HNGĐ	*Tân Uyên, ngày 22 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Y, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Bản H, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Doãn Văn N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Bản H, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 69, 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Y và anh Doãn Văn N

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Y và anh Doãn Văn N thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con: Xác nhận chị Lê Thị Y và anh Doãn Văn N có 01 (Một) con chung tên là Doãn Anh K, sinh ngày 15/9/2017.

Chị Lê Thị Y là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Doãn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận nên đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Lê Thị Y và anh Doãn Văn N mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Chị Y tự nguyện nộp thay số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà anh N phải nộp. Tổng cộng chị Y phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

Xác nhận chị Lê Thị Y đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số: AA/2010/0004669 ngày 03/6/020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Nay trả lại cho chị Lê Thị Y số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Uyên;
- UBND xã Pắc Ta;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Thị Tuyết Thanh